

Số: 324/QĐ-SJC-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY TNHH MTV VBĐQ SÀI GÒN-SJC

Căn cứ Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn-SJC hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn-SJC;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-UBND-TC ngày 02/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn-SJC;

Căn cứ Nghị quyết số 565/NQ-HĐTV ngày 29/10/2015 của Hội đồng thành viên Công ty SJC về việc thông qua nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn – SJC.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng chức năng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nmz*

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- HĐQT, Đảng ủy;
- KSV;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ

Công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn -SJC
(Ban hành kèm theo Quyết định số...324.../QĐ-SJC-HĐTV ngày 23/11/2015
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn -SJC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế Công bố thông tin này (sau đây viết tắt là Quy chế) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin tại Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn -SJC (sau đây viết tắt là Công ty) nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Công ty, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Công ty gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Tiếp thị và các bộ phận, cá nhân được Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với việc công bố thông tin hoạt động của Công ty theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước*" là Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh (gọi tắt là UBND TPHCM).
2. "*Trang thông tin điện tử của Công ty*" là trang website có địa chỉ: www.sjc.com.vn
3. "*Ngày làm việc*" là các ngày làm việc trong tuần theo quy định thời gian hành chính, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Bộ Luật lao động.
4. "*Trường hợp bất khả kháng*" là trường hợp Công ty không thể kiểm soát được việc xảy ra các sự kiện này hoặc không thể thiết lập các biện pháp hợp lý nhằm ngăn chặn để không cho nó xảy ra hoặc hạn chế thiệt hại khi nó xảy ra.

Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố thông tin do Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt nội dung trước khi thực hiện. Công ty, trực tiếp là Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.



2. Trường hợp Công ty thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền công bố thông tin, Công ty phải gửi thông báo ủy quyền thực hiện công bố thông tin tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Phụ lục II kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP. Người được ủy quyền công bố thông tin phải là người có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định nội bộ của Công ty.

3. Trường hợp các thông tin được công bố có sự sai lệch, chưa chính xác, làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận và điều chỉnh thông tin thay đổi hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải có văn bản báo cáo giải trình với UBND TP.Hồ Chí Minh.

Điều 5. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Hình thức công bố thông tin gồm: văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Ngày nộp các nội dung công bố thông tin là ngày văn bản đến cơ quan có thẩm quyền, ngày gửi fax, gửi email, ngày công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Ngày công khai thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên các phương tiện công bố thông tin.

3. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố thông tin gồm: Báo cáo bằng văn bản, trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật;

4. Công ty có trách nhiệm xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử của Công ty, bảo đảm việc công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này. Trang thông tin điện tử của Công ty phải có chuyên mục riêng về công bố thông tin, trong đó có các nội dung về điều lệ doanh nghiệp, quy chế quản trị doanh nghiệp (nếu có), danh sách Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường theo yêu cầu quy định tại Quy chế này.

5. Các báo cáo và ấn phẩm khác của Công ty, Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của UBND TP.Hồ Chí Minh.

Điều 6. Ngôn ngữ công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp là tiếng Việt. Trường hợp quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, Công ty phải báo cáo UBND TP.Hồ Chí Minh và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty (trang thông tin điện tử, ấn phẩm khác), đồng thời Công ty phải báo cáo UBND TP.Hồ Chí Minh lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin. Công ty phải gửi thông báo đề nghị tạm hoãn công bố thông tin cho UBND TP.Hồ Chí Minh chậm nhất là năm (05) ngày làm việc sau khi sự kiện bất khả kháng phát sinh.

Điều 8. Điều chỉnh nội dung công bố thông tin

Trong trường hợp cần điều chỉnh các nội dung công bố thông tin, Công ty có trách nhiệm sửa đổi, cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin điều chỉnh được phê duyệt. Công ty có trách nhiệm gửi các nội dung điều chỉnh công bố thông tin cho UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung điều chỉnh được phê duyệt để thực hiện đăng tải thông tin theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 9. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Thông tin công bố phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là năm (05) năm. Công ty thực hiện việc bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Các thông tin phải công bố định kỳ

1. Công ty phải định kỳ công bố các thông tin sau đây:

- a) Chiến lược phát triển của Công ty;
- b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty;
- c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo;
- đ) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có);
- e) Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm;
- g) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty;
- h) Báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty;
- i) Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

2. Đối với các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư có nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, Công ty báo cáo UBND TP.Hồ Chí Minh quyết định việc công bố.

3. Hội đồng thành viên có trách nhiệm phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Công ty theo thẩm quyền; bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời của các thông tin được công bố.



Điều 11. Công bố chiến lược phát triển của Công ty

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt chiến lược phát triển của Công ty không muộn hơn ngày 30 tháng 9 của năm đầu tiên trong kỳ xây dựng chiến lược, với một số nội dung cơ bản như: Quan điểm, định hướng phát triển, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu..

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày chiến lược phát triển của Công ty được phê duyệt, Công ty thực hiện công bố chiến lược trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

Điều 12. Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm không muộn hơn ngày 30 tháng 9 của năm đầu tiên của kỳ xây dựng kế hoạch theo các nội dung quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của Công ty được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty thực hiện công bố kế hoạch trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

Điều 13. Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, trình UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm theo các nội dung quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2. Sau năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty được UBND TP.Hồ Chí Minh phê duyệt, Công ty thực hiện công bố kế hoạch trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

3. Thời hạn công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của Công ty không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện kế hoạch.

Điều 14. Công bố báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo

1. Công ty phải xây dựng báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo theo các nội dung quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP. Báo cáo đánh giá phải nêu nhận xét, phân tích về tình hình thực hiện, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty tính đến thời điểm báo cáo và các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm kế tiếp.

2. Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất, đồng thời gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

3. Thời hạn công bố và gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện báo cáo.

Điều 15. Công bố báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có)

1. Công ty phải xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) theo các nội dung quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2. Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có) đồng thời gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

3. Thời hạn công bố và gửi báo cáo cho UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 16. Công bố tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm

1. Công ty phải xây dựng báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm theo các nội dung quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm cần có các phân tích, đánh giá về công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong năm, báo cáo và kế hoạch sắp xếp trong năm kế tiếp; dự kiến mức độ hoàn thành và các giải pháp nhằm bảo đảm tiến độ theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Công ty thực hiện công bố trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm, đồng thời gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố theo quy định.

3. Thời hạn công bố và gửi báo cáo cho UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp.

Điều 17. Công bố báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty

1. Công ty phải xây dựng báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2. Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty đồng thời gửi báo cáo đến UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố theo quy định.

3. Thời hạn công bố và gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 20 tháng 6 của năm liền sau năm báo cáo.

Điều 18. Công bố báo cáo tài chính của Công ty

1. Công ty phải xây dựng báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm theo các nội dung quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2. Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm (đã được kiểm toán), đồng thời gửi các báo cáo này đến UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố theo quy định.



3. Thời hạn công bố và gửi báo cáo cho UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 15 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo tài chính sáu (06) tháng và không muộn hơn ngày 31 tháng 5 của năm liền sau năm báo cáo đối với báo cáo tài chính năm.

Điều 19. Công bố chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty

1. Công ty phải xây dựng báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty theo các nội dung quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

2 Công ty thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty, đồng thời gửi báo cáo tới UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện công bố theo quy định.

3 Thời hạn công bố và gửi báo cáo cho UBND TP.Hồ Chí Minh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 31 tháng 3 của năm liền sau năm báo cáo.

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY

Điều 20. Các thông tin phải công bố bất thường

Công ty phải báo cáo UBND TP.Hồ Chí Minh và công bố công khai các thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014, gồm:

1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của công ty;

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

4. Thay đổi người quản lý công ty, gồm thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Kế toán-Tài chính;

5. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;

6. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;

7. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

8. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Điều 21. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm công bố thông tin bất thường

1. Khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp nói trên, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Công ty.

2. Thời hạn báo cáo các thông tin bất thường cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư là không muộn hơn 24 giờ và thời hạn công khai các thông tin bất thường là không muộn hơn 36 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 22. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên

Phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Công ty; bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời của các thông tin được công bố.

Điều 23. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Căn cứ Quy chế công bố thông tin này, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm:

1. Ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân để đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các quy định về công bố thông tin; đảm bảo nội dung công bố thông tin trung thực theo quy định tại Quy chế này.

2. Duy trì trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, bảo đảm việc công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này.

3. Đôn đốc, giám sát, kiểm tra các nội dung về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này; thực hiện việc đăng tải công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty về các thông tin công bố định kỳ và bất thường của Công ty, thực đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định. *nhz*



Đỗ Công Chính